

## PHỤ LỤC I

**Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục  
mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên<sup>1</sup>***(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH ĐẮKNÔNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN**

Số: 63/BC-THPT LQĐ

Tuy Đức, ngày 16 tháng 9 năm 2024

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Năm học: 2024-2025

**I. THÔNG TIN CHUNG<sup>2</sup>**

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có)

-Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn (viết tắt là **Trường THPT Lê Quý Đôn**)

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục.

-Trụ sở chính: Thôn 3, xã ĐăkBukso, Huyện Tuy Đức, Tỉnh ĐăKNông;

-Điện thoại Văn phòng: **02613646000**;

-Điện thoại Hiệu trưởng: 0818508579;

-Email: c3lequydon.daknong@moet.edu.vn;

-Website: c3lequydon.daknong@moet.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

-Trường THPT Lê Quý Đôn thuộc loại hình trường công lập, có tài khoản, con dấu riêng, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo ĐăKNông;

-Địa bàn tuyển sinh của trường thuộc các xã: Quảng trực; ĐăkBukso; Quảng Tân; Quảng Tâm.; ĐăKTih', tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định. Được sự quan tâm của Chính quyền địa phương, của các cấp Quản lý giáo dục, nhà trường đã trở thành một địa chỉ giáo dục đáng tin cậy cho học sinh và phụ huynh học sinh.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

#### 4.1. *Sứ mệnh*

-Xây dựng được môi trường học tập chất lượng và nhân văn. Tạo môi trường tốt nhất để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo, phát huy tiềm lực vốn có của mình. Xây dựng văn hóa giáo dục hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc.

#### 4.2. *Tâm nhìn*

-Trở thành một ngôi trường có chất lượng, tạo ra những học sinh tốt về đạo đức, giỏi về trí lực, mạnh khỏe về thể chất, có kỹ năng sống tốt, đáp ứng cho việc tiếp tục học lên các lớp trên hoặc đi vào cuộc sống; là nơi học sinh có thể tin tưởng, lựa chọn để học tập và rèn luyện và là nơi để giáo viên luôn có khát vọng vươn lên.

#### 4.3. *Giá trị cốt lõi*

- Lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc;
- Lòng nhân ái, lòng tự trọng;
- Đoàn kết, tính trung thực;
- Sự hợp tác, tinh thần trách nhiệm;
- Tính sáng tạo, khát vọng vươn lên;
- Tính kiên trì;
- Năng động;
- Hòa nhập.

#### 4.4. *Phương châm hành động*

“Dân chủ, thân thiện, đổi mới, kỷ cương, chất lượng, nhân văn và bền vững”

#### 4.5. *Mục tiêu chung*

- Xây dựng đội ngũ giáo viên vững về chuyên môn, giỏi về nghiệp vụ; thống nhất trong tư tưởng và hành động; tự tin, nhạy bén, linh hoạt, có tâm huyết với nghề, yêu trường, yêu lớp và đáp ứng được yêu cầu phát triển, đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên tất cả các mặt Đức - Trí - Thể - Mỹ; chú trọng giáo dục các giá trị trung thực, tự tin, có khát vọng vươn lên, nhạy bén, thích nghi với mọi hoàn cảnh; biết tôn trọng, biết lắng nghe và bày tỏ chính kiến của mình.

- Xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, có cơ sở vật chất đầy đủ để đáp ứng nhu cầu dạy và học; tạo lập mối quan hệ thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, trở thành một trong những trường tiên tiến, hiện, góp phần thúc đẩy nền giáo dục phát triển nhanh, mạnh, bền vững hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

#### 4.6. Mục tiêu cụ thể

- Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đánh giá khá, giỏi trên 80%.
- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng thành thạo máy tính, truy cập, khai thác có hiệu quả công nghệ thông tin điện tử của Ngành và Website của nhà trường.
- Sử dụng công nghệ thông tin có hiệu quả.

#### 5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Trường THPT Lê Quý Đôn thành lập theo Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 21/8/2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh ĐắkNông, đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và đào tạo ĐắkNông;

- Trường nhận sứ mệnh giảng dạy cho con em vùng biên huyện Tuy Đức, là nơi gửi gắm hy vọng của nhân dân lao động các xã; Quảng trực; ĐăkBukso; Quảng Tân; Quảng Tâm.; ĐăkTih'-Huyện tuy Đức

- Năm học đầu tiên 2007 -2008 trường tuyển sinh được 100 học sinh lớp 10 phân thành 02 lớp 10A và 10B. Trường học tạm tại cơ sở 2( nay là nhà công vụ Giáo viên )

- Năm 2009-2010 cơ sở mới tại thôn 3 xã đăkbukso được xây xong, tất cả học sinh được chuyển về học tại Thôn 3 xã ĐăkBukSo (nơi trường hiện nay đang học). Có được trường mới phần nào đáp ứng nỗi khát khao, niềm mong đợi và đề đỡ vất vả cho con em nhân dân huyện Tuy Đức. Và cũng năm học đó, lần đầu tiên trường có đủ 3 khối: Khối 12 có 05 lớp; khối 11 có 02 lớp; khối 10 có 03 lớp. Sĩ số toàn trường lúc này khoảng 236 học sinh

Hiện nay trường có tất cả 22 phòng học kiên cố; 02 phòng học bộ môn Lý, Hóa, Sinh; 01 phòng thực hành Tin học; các phòng học được trang bị Ti Vi phục vụ cho học tập.

- Hội đồng giáo dục nhà trường từ 21 cán bộ, giáo viên, nhân viên ban đầu đó tăng lên hàng năm. Đến năm học 2023-2024, HĐGD nhà trường gồm 47 cán bộ, giáo viên, nhân viên và được biên chế thành 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Số học sinh tăng dần theo quá trình phát triển đến năm học 2024-2025 là 1006 em, số lớp 22.

- Cùng với việc không ngừng nâng cao chất lượng dạy học, nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác giáo dục toàn diện. Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa thiết thực nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Đẩy mạnh các hoạt động văn nghệ, thể thao; tổ chức các cuộc thi; các buổi truyền thông giáo dục pháp luật cũng thường xuyên được tổ chức như tuyên truyền về Luật an toàn giao thông, Luật phòng chống ma túy, Luật phòng chống bạo lực học đường, ... Các hoạt động này được tổ chức với nhiều hình thức đa dạng, hấp dẫn đã thu hút toàn thể học sinh trong trường tham gia, qua đó, các em được giáo dục về nhiều kỹ năng sống, đồng thời cũng qua các hoạt động này tinh thần đoàn kết tập thể, ý thức hành động vì cộng đồng của các em được phát huy.

-Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của nhà trường luôn phát huy vai trò xung kích trong mọi hoạt động. Đoàn trường đã xây dựng được nền nếp, kỷ cương cho đoàn viên, thanh niên, đồng thời tổ chức được nhiều hoạt động đến on đáp nghĩa, nhiều sân chơi bổ ích thu hút được thanh niên tham gia và có tác dụng giáo dục mạnh mẽ.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ và tên: Trần Văn;

Chức vụ: Hiệu trưởng;

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 3, xã ĐăkBukSo, Huyện Tuy Đức. Tỉnh ĐăkNông

Số điện thoại Văn phòng: **02613646000**;

Địa chỉ Email: [c3lequydon.daknong@moet.edu.vn](mailto:c3lequydon.daknong@moet.edu.vn);

### 7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

- Trường THPT Lê Quý Đôn thành lập theo Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 21/8/2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh ĐăkNông, đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và đào tạo ĐăkNông;

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

-Quyết định số 2016/QĐ-SGDĐT ngày 20/5/2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ĐăkNông về việc thành lập Hội đồng trường THPT Lê Quý Đôn nhiệm kỳ 2021-2026;

-Quyết định số 2246/QĐ-SGDĐT ngày 30/5/2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ĐăkNông về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường THPT Lê Quý Đôn nhiệm kỳ 2021-2026;

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định số 586 /QĐ-SGDĐT ngày 31/5/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ĐăkNông về việc bổ nhiệm lại ông Trần Văn, Hiệu trưởng trường THPT Lê Quý Đôn từ ngày 01/6/2024 cho đến đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định;

- Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ĐăkNông về việc bổ nhiệm lại có thời hạn đối với ông Ngô Đình Minh, Phó Hiệu trưởng trường THPT Lê Quý Đôn;

- Quyết định số 1079/QĐ-SGDĐT ngày 30/9/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông về việc bổ nhiệm lại có thời hạn, đối với ông Lê Hồng phong, Phó Hiệu trưởng trường THPT Lê Quý Đôn ;

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

a) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường

-Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường;

-Tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường;

-Nhiệm vụ và quyền của nhà giáo;

-Nhiệm vụ và quyền của người học;

-Tổ chức và quản lý nhà trường;

-Tài chính và tài sản của nhà trường;

-Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

c) Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

e) Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

g) Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

h) Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

i) Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

k) Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

l) Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

m) Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản

lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

n) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục**

-Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

-Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, ... được lưu giữ tại Văn thư lưu trữ của nhà trường.

## **II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN<sup>3</sup>**

**1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;**

- Viên chức quản lý: 03, trong đó 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng;

- Giáo viên: 39/39

Chia theo môn học:

Toán 07; Tin học 01; Vật lý-CN Lý 05; Hoá học:03 ; Sinh-CN Sinh: 03 ; Ngữ văn 07; Tiếng Anh 05-GDTCQP-AN 03;; Lịch sử 02; Địa lý 02; GDKTPL 01; .

Chia theo trình độ: Thạc sĩ 01; Đại học 36

- Nhân viên: 05, trong đó 02 Đại học; 01 Cao đẳng và 02 Trung cấp

**2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;**

-100% Viên chức quản lý, giáo viên và nhân viên đạt chuẩn.

**3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.**

-100% viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

### **4. Thông tin về học sinh, năm học 2024-2025**

-Kết quả tuyển sinh lớp 10: 360 học sinh học sinh tuyển mới năm học 2024-2025

-Tổng số học sinh theo từng khối:

Khối 12: 289 học sinh; Khối 11: 357 học sinh và Khối 10: 360 học sinh;

-Số học sinh bình quân/lớp:

Khối 12: 48,1 hs/lớp; Khối 11: 45 hs/lớp; Khối 10: 45 hs/lớp

-Tỷ lệ học sinh nữ:

Khối 12: 145 = 50,17%; Khối 11: 172 = 48,18% và Khối 10: 197 = 54,72%

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Diện tích trường hiện nay là 30.000 m<sup>2</sup> ; Diện tích xây dựng, diện tích sân chơi, bãi tập đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Khối phòng hành chính quản trị: 07 phòng

Khối phòng học tập: 22 phòng học

Khối phòng hỗ trợ học tập: 01 phòng thư viện, 02 phòng thiết bị

Khối phụ trợ: 01 phòng y tế

Khu sân chơi, thể dục thể thao: chưa có sân bãi m<sup>2</sup>

Khối phục vụ sinh hoạt: 01 Phòng Hội đồng

Hạ tầng kỹ thuật: chưa đủ so với yêu cầu tối thiểu theo quy định

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Khối Lớp	ĐV Tính	Nhu cầu về số lượng theo quy định của Bộ GDĐT	Số lượng Thiết bị hiện có còn sử dụng	Tỉ lệ đáp ứng %
1	10	Bộ	405	TBDH2018: chưa cấp	%
2	11	Bộ	446	TBDH2018: Chưa cấp	%
3	12	Bộ	308	TBDH2018: chưa cấp	%
<b>Tổng</b>			1159	TBDH2018: chưa cấp	%

Nhà trường chưa đảm bảo các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Mỗi giáo viên có một bộ thiết bị cần thiết trong quá trình giảng dạy, một bộ sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn giảng dạy và các tài liệu cần thiết khác. Mỗi học sinh có ít nhất một bộ sách giáo khoa, các đồ

dùng học tập.

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hiện tại, trường có 07 máy tính cho bộ phận hành chính: 40 máy tính học sinh. Tất cả máy tính được kết nối Internet đảm bảo nhu cầu phục vụ công tác quản lý và phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập.

-Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Danh mục sách giáo khoa thực hiện theo danh mục đã được cấp thẩm quyền phê duyệt được công khai trên trang Website.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Danh mục sách giáo khoa thực hiện theo danh mục đã được cấp thẩm quyền phê duyệt được công khai trên trang Website

#### **IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC<sup>5</sup>**

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

-Kiểm định chất lượng đạt Cấp độ 1 ;

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

-Kiểm định chất lượng đạt Cấp độ 1;

#### **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC<sup>6</sup>**

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

1.1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

-Kết quả tuyển sinh lớp 10: 401 học sinh;

-Tổng số học sinh theo từng khối:

-Khối 12: 237 học sinh; Khối 11: 294 học sinh và Khối 10: 401 học sinh;

-Số học sinh bình quân/lớp:



-Khối 12: 48 hs/lớp; Khối 11: 42 hs/lớp; Khối 10: 50 hs/lớp

-Tỷ lệ học sinh nữ:

-Khối 12: 126 = 53,16 %; Khối 11: 146 = 49,66 % và Khối 10: 186 = 46,83 %

1.2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

Đánh giá học lực học sinh năm học 2023-2024:

Khối	TS HS	Học Lực									
		Giỏi/Tốt		Khá		TB/Đạt		Yếu/Chưa đạt		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
10	401	9	2,24	108	26,93	188	46,88	96	23,94	0	
11	294	24	8,16	108	36,73	149	50,68	13	4,42	0	
12	237	17	7,17	115	48,52	100	42,19	5	2,11	0	
<b>Tổng</b>	<b>932</b>	<b>50</b>	<b>5,36</b>	<b>331</b>	<b>35,51</b>	<b>437</b>	<b>57,61</b>	<b>114</b>	<b>12,23</b>	<b>0</b>	

-Số lượng học sinh lên lớp: 662/695 = 95,25 %

-Số lượng học sinh ở lại lớp: 33 / 401 = 8,22 % ( hs 10)

1.3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

-Số học sinh hoàn thành chương trình lớp 12: 237/237 = 100%;

-Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 236/ 237=99.57 %;

-Số học sinh trúng tuyển vào các trường đại học: / =%

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

**-Không**

## **VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH<sup>7</sup>**

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác)

**Các khoản chi năm học 2023-2024:**

Thông tin liên lạc: 60.785.000 đ

Thuê dọn vệ sinh: 82.530.000 đ

Tài trợ: 191.850.000 đồng

Khuyến học: 183.520.000 đ

Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Ngân sách nhà nước năm 2024 cấp: **13.401.600.000 đ**

**Chi tiết thu Ngân sách;**

+ Chế độ học sinh theo NĐ 116, NĐ 81: 3.448.000.000 đ

+ Chế độ đào tạo: 37.600 đ

+ Chi lương, chi thường xuyên: 9.494.000.000 đ

Chi tiết chi Ngân sách; 8.535.868.221 đ

+ Chi lương, phụ cấp và thu nhập: 7.398422.221 đ (tới tháng 9)

+ Chi hỗ trợ học sinh theo NĐ 116, NĐ 81: 1.128.446.000 đ

+ Chi đào tạo: 9.000.000 đ

+ Chi cơ sở vật chất: 0 (tới tháng 9)

+ Chi khác: 0 (tới tháng 9)

+ Chi chuyên môn 0 (tới tháng 9);

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC<sup>8</sup>**

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trung học Năm học 2024-2025, Trường THPT Lê Quý Đôn Hướng dẫn 1555/SGDDT-GDTrHQLCL, ngày 15/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024, nhà trường đã

xây dựng Kế hoạch Giáo dục số /KHGD –THPTLQĐ, ngày /9/2024 về thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2024-2025 phù hợp với điều kiện thực tế tại nhà trường; Thực hiện hiệu quả công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh.

## 2. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục đến toàn thể GV nhà trường; chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục. 100% tổ chuyên môn xây dựng, triển khai KHGD. 100% giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Thực hiện Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD & ĐT về việc ban hành CTGDPT 2018;

- Tổ chức triển khai Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ GD & ĐT về việc quy định đánh giá, xếp loại học sinh THCS, THPT.

+ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ GD & ĐT về việc quy định việc lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT;

+ 100% GV được tham gia tập huấn chuyên môn, tập huấn lựa chọn SGK.

## 3. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình GDPT

Đối với môn Tiếng Anh Trường có 06 giáo viên dạy môn Tiếng Anh, dạy Tiếng Anh cho tất cả các lớp học theo quy định.

Đối với môn Tin học và việc tổ chức hoạt động giáo dục tin học

Trường có 01 giáo viên dạy môn Tin học, có 01 phòng máy với 40 máy vi tính.

Công tác triển khai chuyển đổi số, thực hiện triển khai Học bạ số: Đối với việc triển khai chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, điều hành công việc, ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo. Đẩy mạnh hoạt động, cập nhật thông tin kịp thời, đa dạng, phong phú về nội dung và hình thức các trang thông tin phù hợp.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về chuyển đổi số.

Phát huy vai trò của lãnh đạo nhà trường, công đoàn, đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

Thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục; Đẩy mạnh công tác sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Tăng cường ứng dụng chữ ký số.

Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ tốt công tác quản lý của đơn vị. GV thực hiện các nội dung quản lý, đánh giá học sinh trên CSDL; báo cáo kết quả hoạt động giảng dạy, giáo dục trên hệ thống cơ sở dữ liệu; tham gia sinh hoạt, hội họp qua Google Meet... khi cần

thiết.

Thực hiện các dịch vụ công phục vụ học sinh, phụ huynh học sinh như khoản thu không sử dụng tiền mặt, sử dụng hóa đơn điện tử.

Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018 Nhà trường đã tổ chức triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương, gồm những vấn đề cơ bản, mang tính thời sự về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp của địa phương nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, có trách nhiệm với cộng đồng, biết trân quý và phát huy văn hóa truyền thống quê hương, phát triển năng lực và phẩm chất, ý thức tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa phương. Các nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo tài liệu hướng dẫn

Nâng cao hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

4. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học - Giáo viên tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, quan tâm phát hiện và biết bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu, đồng thời có kế hoạch và biện pháp phụ đạo các học sinh còn hạn chế về học tập.

100% giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Nhà trường đẩy mạnh việc thực hiện quyền tự chủ cho tổ chuyên môn trong lựa chọn các chủ đề, rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của từng môn học hoặc liên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ, kết hợp sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; theo dõi ghi nhận sự tiến bộ của học sinh, đưa ra các biện pháp giúp đỡ học sinh còn hạn chế về học tập; đề xuất các biện pháp rèn phẩm chất, năng lực học sinh; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học.

Phối hợp nhiều phương pháp dạy học nhằm phát huy năng lực học tập của học sinh.

5. Tuyên truyền các văn bản hướng dẫn việc đánh giá học sinh cho giáo viên và cha mẹ học sinh.

Thực hiện đánh giá theo hướng động viên, khuyến khích, ghi nhận sự tiến bộ

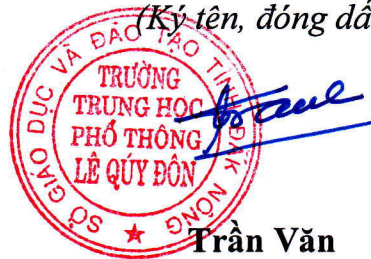
hàng ngày của từng học sinh, giúp học sinh cảm thấy tự tin và vui thích với các hoạt động học tập, chỉ đạo giáo viên linh hoạt các hình thức đánh giá thường xuyên. Thực hiện đánh giá học sinh trên phần mềm nhằm tăng cường tính minh bạch, giảm hồ sơ sổ sách cho giáo viên.

Tổ chức xây dựng đề kiểm tra định kỳ phù hợp với yêu cầu nội dung dạy học ở từng giai đoạn học tập của học sinh. Bài kiểm tra kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, nội dung bài kiểm tra kết hợp giữa kiến thức đã học trong nhà trường và những nội dung vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống; theo các mức độ yêu cầu: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao. Đảm bảo trong các hoạt động dạy môn học và hoạt động giáo dục đều được đánh giá.

Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ và đột xuất theo Kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo .

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Văn

<sup>1</sup> Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

<sup>2</sup> Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

<sup>3</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

<sup>4</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

<sup>5</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

<sup>6</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

<sup>7</sup> Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

<sup>8</sup> Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.

